

Số: 397...../TB-THADS

Bảo Lộc, ngày 08 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;
Căn cứ Điều 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Bản án số 35/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 07/QĐ-CCTHADS ngày 04/10/2023 và số 96/QĐ-CCTHADS ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 03/QĐ-CCTHADS ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Thông báo số 230/TB-THADS ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc lựa chọn Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá các tài sản để bảo đảm thi hành án, như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận do UBND thành phố Bảo Lộc cấp gồm các số BL 981590 ngày thửa 189, tờ bản đồ G.158.IB và số CQ 369495 thửa 188, tờ bản đồ G.158.IB địa chỉ phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

Vậy, thông báo để Cty biết tổ chức thẩm định giá theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Nguyễn Viết Tư

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH LÂM ĐỒNG
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THÀNH PHỐ BẢO LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảo Lộc, ngày 08 tháng 11 năm 2024

PHỤ LỤC 1

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN
(Ban hành kèm theo Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án)

Tiêu chí có dấu (*) là tiêu chí bắt buộc cần đạt được, kèm theo Thông báo số 287/TH-THADS ngày 08/11/2024 của Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc

| STT | NỘI DUNG | TIÊU CHÍ LỰA CHỌN | ĐIỂM CHUẨN | ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC | GHI CHÚ |
|-----|---|------------------------------------|------------|---------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| | TỔNG | | 100 | 97 | |
| 1 | Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)* | | 15 | 13 | |
| | | <i>Có 02 chi nhánh trở lên</i> | 5 | 5 | - Giấy CNĐK DN: Mã số DN 0305087566. |
| | Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản | Chi có 01 chi nhánh | 4 | | Giấy CNĐK hoạt động CN Lâm Đồng: |
| | | Không có chi nhánh | 3 | | Đồng: 0305087566-017; |
| | | | | | Giấy CN đủ ĐK KD: 090/TĐG, cấp lần đầu ngày 24/09/2015. |
| 2 | Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ | <i>Từ 05 đến 07 thẩm định viên</i> | 4 | | |
| | | <i>Từ 07 thẩm định viên</i> | 5 | | |

| | | | | | |
|----|--|--|-----------|----|--|
| | Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề. | Dưới 05 năm định viên | 3 | 3 | - Thông báo số 236/TB-BTC ngày 02/02/2024. |
| 3 | Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá | <i>Tren 05 năm</i> | 05 | | |
| | | Từ 03 đến 05 năm | 5 | 5 | |
| | | Dưới 03 năm | 4 | | |
| II | Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm) | | 60 | 59 | |
| 1 | Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá. | <i>Trên 30 hồ sơ</i> | 15 | 15 | |
| | | Từ 20 đến 30 hồ sơ | 14 | | |
| | | Dưới 20 hồ sơ | 13 | | |
| | | Không bị xử phạt vi phạm hành chính | 10 | 10 | |
| 2 | Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá | Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính | 9 | | |
| | | Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong | 8 | | |
| | | Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính | 0 | | |
| | | | | | |

| | | | | | |
|-----|--|--|----|----|--|
| 3 | Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá | <i>Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.</i> | 5 | 5 | |
| | | Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá. | 4 | | |
| | | Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá. | 3 | | |
| 4 | Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá | <i>Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình.</i> | 10 | 10 | |
| | | Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc | 9 | | |
| | | Trên 05 ngày làm việc | 8 | | |
| 5 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá | Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu | 10 | | |
| | | Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu | 9 | 9 | |
| | | Không có phần mềm | 0 | | |
| | | Từ 80 điểm trở lên | 10 | 10 | |
| 6 | Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố | Từ 70 đến dưới 80 điểm | 9 | | |
| | | Từ 60 đến dưới 70 điểm | 8 | | |
| | | | | | |
| III | Năng lực tài chính | | 15 | 15 | |

| | | | | | |
|----|--|---|----|----|--|
| 1 | Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty | | 5 | 5 | |
| 2 | Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây | <p><i>Thấp nhất trong số các hồ sơ đăng ký</i></p> <p>Thấp thứ 2</p> <p>Thấp thứ 3</p> <p>Thấp thứ 4</p> <p>Thấp thứ 5 trở đi</p> | 5 | 5 | |
| 3 | Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất | <p>Trên 5 tỷ/năm</p> <p>Từ 3- 5 tỷ/năm</p> <p>Từ 1-3 tỷ/năm</p> <p>Dưới 1 tỷ/năm</p> | 5 | 5 | |
| IV | <p>Tiêu chí khác (doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương;)</p> | | 10 | 10 | |

Lưu ý: Đối với mục IV “tiêu chí khác”, căn cứ khung tiêu chí này, Cục trưởng Cục THADS xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm xây dựng tiêu chí cụ thể cho việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng loại tài sản, đặc thù từng địa phương (nếu có).